

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 6**

**MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 12**

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG** |
| **Tên bài học/ Chủ đề - Khối Lớp** | Việt Bắc (Tố Hữu) |
| **Hoạt động 1: *Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu*** | 1. **Tài liệu tham khảo:**
* SGK Ngữ Văn 12 – tập một (bản chuẩn)

**Bài 1: Tây Tiến (Quang Dũng)** 2.**Yêu cầu*** Học sinh ghi chép đầy đủ Phụ lục 1 vào vở.
* Xử lý các thông tin trong SGK (Kết quả cần đạt; Tìm hiểu chung; Chi tiết trọng tâm trong văn bản; Từ khó; Trả lời phần hướng dẫn học bài; Ghi nhớ sau mỗi bài học)
* Trong quá trình đọc, học, tiếp cận kiến thức Học sinh có thắc mắc (nếu có) thì điền vào “Phiếu tổng hợp thắc mắc” (Phụ lục 2 – đính kèm) và liên hệ với GVBM để giải đáp thắc mắc.
 |
| **Hoạt động 2: *Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học*** | Hoàn thành bài tập được giao hoặc “Phiếu học tập” (Phụ lục 3 – đính kèm). Sau đó, chụp và nộp lại cho GV. |

**PHỤ LỤC 1**

**Phần hai: Tác Phẩm (2 tiết)**

**I.Tìm hiểu chung:**

 **1. Hoàn cảnh sáng tác: ( SGK)**

=> Chính hoàn cảnh sáng tác đã chi phối tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt đầy xúc động, bâng khuâng da diết trong bài thơ. Cách chọn kết cấu theo lối đối đáp cũng là để thể hiện sắc thái đó.

 2.Vị trí: Thuộc phần I ( Bài thơ gồm 2 phần:

- Phần 1: Tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến.

- Phần 2: Gợi viễn cảnh tươi sáng của đất nước và ca ngợi công ơn của đảng Bác Hồ đối với dân tộc.

3. Bố cục đoạn trích : 2 phần

+ Lời nhắn gửi của người ở lại

+ Lời đáp của người ra đi – ân tình sâu nặng với Việt Bắc.

4. Sắc thái tâm trạng:

- Hoàn cảnh sáng tác tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt:

“Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

 đầy xúc động, bâng khuâng không nói nên lời.

- Đây cũng là cuộc chia tay của những người từng gắn bó:

“Mười lăm năm ấy, thiết tha mặn nồng”

 có biết bao kỷ niệm ân tình thuỷ chung.

- Chuyện ân tình cách mạng được Tố Hữu thể hiện khéo léo như tâm trạng của tình yêu đôi lứa.

 5. Kết cấu :

- Diễn biến tâm trạng được tổ chức theo lối đối đáp giao duyên trong ca dao - dân ca: bên hỏi, bên đáp, người bày tỏ, người hô ứng.

- Hỏi và đáp điều mở ra bao nhiêu kỷ niệm về cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, bao nỗi niềm nhớ thương.

 - Thực ra, bên ngoài là đối đáp, còn bên trong là lời độc thoại, là biểu hiện tâm tư tình cảm của chính nhà thơ, của những người tham gia kháng chiến.

**II. Đọc–hiểu:**

1. Tám câu thơ đầu: Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người.

 a. Bốn câu trên: Lời ướm hỏi, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, tình nghĩa; qua đó, thể hiện tâm trạng của người ở lại.

- Câu hỏi ngọt ngào, khéo léo “mười lăm năm” cách mạng gian khổ hào hùng, cảnh và người VB gắn bó nghĩa tình với những người kháng chiến; đồng thời khẳng định tấm lòng thủy chung của mình: Tố Hữu đã khơi rất sâu vào nguồn mạch đạo lý ân nghĩa thủy chung của dân tộc để thể hiện tình cảm cách mạng. M¬ười lăm năm ấy là trở về với cội nguồn những năm tiền khởi nghĩa sâu nặng biết bao ân tình.

- Nghĩa tình của kẻ ở- người về được biểu hiện qua các đại từ mình- ta quen thuộc trong thơ ca dân gian gắn liền với tình yêu đôi lứa, cách xưng hô: mình- ta tạo nên sự thân mật, gần gũi. Điệp từ nhớ, láy đi, láy lại cùng với lời nhắn nhủ “mình có nhớ ta”, “mình có nhớ không” vang lên day dứt khôn nguôi.

- Các từ thiết tha, mặn nồng thể hiện bao ân tình gắn bó.

b. Bốn câu thơ tiếp: Tiếng lòng người về xuôi bâng khuâng lưu luyến.

- Tuy không trả lời trực tiếp câu hỏi của người ở lại nhưng tâm trạng bâng khuâng, bồn chồn, cùng với cử chỉ ‘cầm tay nhau” xúc động bồi hồi đã nói lên tình cảm : chưa xa đã nhớ, sự bịn rịn luyến lưu của người cán bộ với cảnh và người Việt Bắc.

- Lời hỏi của người ở lại đã khéo nhưng câu trả lời còn khéo léo hơn thế. Không phải là câu trả lời có hay không mà là những cử chỉ. Câu thơ bỏ lửng “cầm tay…” diễn tả thái độ nghẹn ngào không nói lên lời của người cán bộ giã từ Việt Bắc về xuôi.

- Hình ảnh “áo chàm”- nghệ thuật hoán dụ, trang phục quen thuộc của người dân Việt Bắc. Rất có thể đó là hình ảnh thực, nhưng cũng có thể là hình ảnh trong tưởng tượng của người cán bộ kháng chiến để rồi mỗi lần hình ảnh áo chàm bay về trong tâm trí của người cán bộ là mỗi lần bao nỗi nhớ thân thương lại dội về.

=> khúc dạo đầu của bản tình ca về nỗi nhớ.

c. 12 câu tiếp:

\*Việt Bắc gợi nhớ một thời gian khổ:

 -Những hình ảnh: “suối lũ”, “mưa nguồn”, “mây mù”, “miếng cơm chấm muối...

\* Gợi nhớ tình đồng bào:

- Chi tiết “Trám bùi....để già” 

 - “Hắt hiu...lòng son”  - "Mình đi, mình có nhớ mình"

2. Phần còn lại: Lời của người cán bộ về xuôi:

a. Lời đáp lại của người ra đi: Mình- ta đã có sự chuyển hoá.

- Phép điệp mình- ta: xoắn xuýt hoà quyện vào nhau.

- Đáp lại lời băn khoăn của người việt Bắc: "Mình đi, mình lại nhớ mình" một câu trả lời chắc nịch.

- Khẳng định tình nghĩa dạt dào không bao giờ vơi cạn: "Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu"

=> Tình nghĩa của người cán bộ về xuối đối với nhân dân Việt Bắc sâu đậm, không phai nhạt theo thời gian.

b. Nhớ cảnh và nhớ người:

\* Nhớ day dứt, cồn cào như nhớ người yêu: nhớ khoảnh khắc thiên nhiên đẹp, nhớ những bếp lửa nhà sàn đón đợi người thương, nhớ những nẻo đường kháng chiến, nhớ đời sống cần lao, nhớ những sinh hoạt kháng chiến, những lớp bình dân học vụ, nhớ những âm thanh rất đặc trưng của miền núi.

\* Bộ tranh tứ bình về 4 mùa Việt Bắc: có lẽ đẹp nhất trong nỗi nhớ về Việt Bắc.

- Thiên nhiên:

+ Chữ "rừng" xuất hiện trong tất cả các dòng lục cảnh thiên nhiên chốn núi rừng Việt Bắc.

+ Mỗi bức tranh vẽ một mùa với màu sắc chủ đạo.

=> Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, phong phú, sinh động, thay đổi theo thời tiết, theo mùa.

- Con người bình dị, cần cù: người đi làm nương rẫy, người đan nón, người hái măng, ấn tượng nhất là tiếng hát ân tình, thuỷ chung…bằng những công việc tưởng chừng nhỏ bé của mình nhưng họ đã góp phần tạo nên sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến.

+ Từ nhớ lặp lại  giọng thơ ngọt ngào, sâu lắng.

=>Ứng với mỗi bức tranh thiên nhiên là hình ảnh con người làm cho bức tranh ấm áp hẳn lên. Tất cả ngời sáng trong tâm trí nhà thơ.

c. Khung cảnh và vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:

\* Hai mươi hai câu tiếp theo nói về cuộc kháng chiến anh hùng:

“Nhớ khi giặc đến giặc lùng

………………..

Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”

- Trong hoài niệm bao trùm có ba mảng thống nhất hòa nhập đó là: nỗi nhớ thiên nhiên- nỗi nhớ con người cuộc sống ở Việt Bắc- nỗi nhớ về cuộc chiến đấu anh hùng chống TDP xâm lược.

+ Rừng núi mênh mông hùng vĩ trở thành bạn của ta, chở che cho bộ đội ta, cùng quân và dân ta đánh giặc.

+ Chiến khu là căn cứ vững chắc, đầy nguy hiểm với quân thù.

+ Nghệ thuật so sánh, nhân hoá: núi giăng…luỹ sắt, rừng che, rừng vây…

+ Những cái tên, những địa danh ở chiến khu Việt Bắc: phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao- Lạng…vang lên đầy mến yêu, tự hào, cũng trở thành nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi.

- Không khí chiến đấu sôi nổi hào hùng, khí thế hừng hực trào sôi:

 + Sức mạnh của quân ta với các lực lượng bộ đội, dân công… sự hợp lực của nhiều thành phần tạo thành khối đoàn kết vững chắc.

 + Các từ: Rầm rập, điệp diệp, trùng trùng…thể hiện khí thế dồn dập.

 + Hình ảnh người chiến sĩ được gợi lên qua chi tiết giàu chất tạo hình: “ánh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan”-> ánh sáng của sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng.

 + Thành ngữ “Chân cứng đá mềm” đã được nâng lên thành một bước cao hơn “bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”.

 + Chiến công tưng bừng vang dội khắp nơi: Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng… Niềm vui chiến thắng chan hoà bốn phương: Vui từ…vui về…vui lên…

 + Đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha… như ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập.

 + Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, ấm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng

 \* Mười sáu câu cuối đoạn: Vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:

+ Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, …

+ Việt Bắc là chiến khu kiên cường….

- “Ở đâu u ám quân thù,

………………………………

Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà”

+ Khẳng định Việt Bắc là nơi có “Cụ Hồ sáng soi”, có “Trung ương chính phủ luận bàn việc công”

+ Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc …

**III. Tổng kết**

1) Nghệ thuật:

 Bài thơ đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu:

2) Ý nghĩa văn bản:

 Bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

**Luyện tập: Lập dàn ý đoạn trích “Mình về…. tiếng hát ân tình thủy chung”**

**Bài làm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………